

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/KDTM-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2024
T/c “Hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam; Ông Đặng Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

Trong các ngày 16 tháng 9 và ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 31/2024/TLST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 592/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 578/2024/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH K.

Địa chỉ: số F, Khu V, phường T, Quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Văn T, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Chí T1 (Theo giấy ủy quyền ngày 30/5/2024 của Giám đốc Công ty TNHH K). Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: 86, tổ F, Khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Trần Thị Thanh T2 – Chủ D

Địa chỉ: Số E đường Q, Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn Chí T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày: Ngày 01/01/2023, Công ty TNHH K (gọi tắt là Công ty K) và bà Trần Thị Thanh T2 là chủ DNTN Thu T3 (gọi tắt là DNTN Thu T3) do bà Trần Thị Thanh T2 làm chủ

doanh nghiệp có ký kết hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu số 009/HĐĐL-CT.2023, theo đó D cam kết sẽ tiêu thụ các mặt hàng do Công ty C Thủy cung cấp như sau: Dầu DO 0,05S-II: 100.000 lít/tháng (+/- 20% số lượng tiêu thụ thực tế), xăng RON 95-III: 100.000 lít/tháng (+/- 20% số lượng tiêu thụ thực tế) và nhót theo nhu cầu của bên D. Để thực hiện hợp đồng nêu trên, D sẽ đặt hàng qua điện thoại với Công ty K, sau đó Công ty K sẽ thông báo giá từng thời điểm của từng mặt hàng và suất hóa đơn cho bên DNTN T, sau khi nhận được 50% giá trị thanh toán trên giá trị hóa đơn thì Công ty K sẽ giao hàng tại kho của Công ty K trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn, số tiền còn lại phía D phải thanh toán trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hàng. Từ sau thời điểm ký kết hợp đồng đến ngày 31/12/2023, Công ty K đã bán cho DNTN Thu Thủy số lượng 461.500 lít dầu DO 0,05S-II, 312.000 lít xăng RON 95-III. Tổng hóa đơn mà Công ty K đã xuất cho D là 105 hóa đơn tương ứng với tổng giá trị hàng hóa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 16.150.390.000 đồng (trong đó tiền thuế giá trị gia tăng là 1.468.217.269 đồng). Hai bên có ký biên bản đối chiếu xác nhận công nợ năm 2023, theo đó D còn nợ Công ty K số tiền là 1.070.122.500 đồng (trong đó số tiền nợ hàng của tháng 11/2023 là 177.962.500 đồng và toàn bộ số tiền hàng của tháng 12/2023 là 892.160.000 đồng), thời gian thanh toán là 30 ngày nhưng D không thực hiện. Công ty K nhiều lần yêu cầu bà Trần Thị Thanh T2 trả nợ nhưng bà T2 đã không thực hiện nên Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án bà Trần Thị Thanh T2 - chủ DNTN Thu T3 phải trả cho Công ty K số tiền theo đối chiếu công nợ là 1.070.122.500 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2024 là 17.835.375 đồng, đồng thời yêu cầu thanh toán lãi đến ngày xét xử vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh T2 là chủ D vắng mặt trong quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Chí T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Thanh T2 - Chủ D phải có nghĩa vụ trả số tiền mua hàng hóa còn nợ 1.070.122.500 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật ngày 16/4/2024 đến ngày 16/9/2024.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Công ty K và bà Trần Thị Thu T4 là chủ DNTN Thu Thủy phát sinh tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại và các bên thỏa thuận Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty K ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Chí T1 tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguyên đơn Công ty K và bị đơn Trần Thị Thanh T2 là chủ DNTN Thu Thủy có giao dịch mua bán hàng hóa là xăng, dầu, nhớt theo hợp đồng đại lý bao tiêu xăng dầu số 009/HĐĐL-CT.2023 ngày 01/01/2023, các bên thỏa thuận thời gian giao nhận hàng, thanh toán tiền trên số lượng hàng hóa đã nhận trong thời hạn 7 ngày, thỏa thuận này phù hợp với Điều 24, Điều 34, Điều 37, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao số lượng hàng hóa theo yêu cầu của phía bị đơn với tổng số tiền là 16.150.390.000 đồng. Đến ngày 31/12/2023, hai bên có ký biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, theo đó D còn nợ Công ty K số tiền là 1.070.122.500 đồng và cam kết trả nợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đối chiếu công nợ nhưng bị đơn không thực hiện, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về tài sản. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 16/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/9/2024. Xét thấy, việc bị đơn không thực hiện việc trả tiền theo đối chiếu công nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, Hội đồng căn cứ vào lãi suất nợ quá hạn trung bình đối với mức lãi suất cho vay ngắn hạn của các Ngân hàng (Công văn số 423/TA ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên) là $5.76\%/năm \times 150\% = 8.64\%/năm$ (0.72%/tháng). Như vậy, số tiền lãi tính từ ngày 16/4/2024 đến ngày xét xử sơ

thẩm 16/9/2024 là 05 tháng x 1.070.122.500 đồng x 0.72%/tháng = 38.524.410 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 85, Điều 86, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 24, Điều 34, Điều 37, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Trần Thị Thanh T2 là chủ D phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền 1.108.646.910 đồng, trong đó nợ gốc là 1.070.122.500 đồng, lãi là 38.524.410 đồng.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Trần Thị Thanh T2 là chủ D1 phải nộp 45.259.000 đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH K số tiền 22.320.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002354 ngày 15/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.L;
- Người tham gia tố tụng trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam